

“PHÁP THÂN HOÁ” HÌNH TƯỢNG PHẬT QUA NGHI LỄ YẾM TÂM TƯỢNG

Tóm tắt: *Yếm (An) tâm tượng hay còn gọi là “hô thần nhập tượng” là nghi lễ quan trọng bậc nhất để thiêng hóa “Phật” ở một tác phẩm thủ công hay nghệ thuật vào không gian thờ tự. Trong nghiên cứu này, tác giả tập trung phân tích các nghi thức được sử dụng trong quá trình yếm tâm tượng giúp con người gắn “Tha thể” của Phật vào trong một pho tượng với trường hợp yếm tâm tượng tại một số cơ sở thờ tự ở miền Bắc. Phân tích các yếu tố thời gian tiến hành nghi thức, kết cấu và phương thức tổ chức trong nghi lễ. Nghiên cứu lý giải sức mạnh của hình ảnh Phật trước, trong và sau khi tiến hành nghi lễ yếm tâm tượng nhằm lý giải một phần hệ thống các nghi lễ Phật giáo trong xã hội Việt Nam đương đại được kiến tạo như thế nào.*

Từ khoá: *Phật giáo, nghi lễ Yếm tâm tượng, Pháp thân hoá, hình tượng Phật*

Dẫn luận

Một pho tượng Phật hay một hình ảnh chỉ mang tính chất là một tác phẩm thủ công/công nghiệp về hình ảnh của Phật hay một vị thần linh nào đó. Bằng phương thức nào, tượng Phật trở thành hoá thân của Phật, nói dài phương thức tồn tại của Phật trong thế giới hiện tại? Những nghiên cứu lý giải phương thức thực hiện nghi lễ của quá trình thiêng hóa hình tượng Phật bằng vật chất gần như ít thấy được trong các nghiên cứu tại Việt Nam. Một số nghiên cứu về nghi lễ Phật giáo có đề cập chút ít đến nghi lễ “hô thần nhập tượng” không thực sự giúp chúng ta hiểu rõ căn nguyên của nghi lễ này.

Bất cứ vật liệu nào từ thiên nhiên đều có thể được coi là tà ma như thổ tinh, thạch tinh,... chính vì thế phải sử dụng tới uy lực của Phật

* Nguyễn Hữu Sử, Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
Ngày nhận bài: 29/6/2024; Ngày biên tập: 03/7/2024; Duyệt đăng: 25/12/2024.

pháp và thần chú để trừ tà. Một vật liệu, một sự chế tác dù đến từ bất cứ ai và với một tâm thái nào thì bản chất đều không thực sự thanh tịnh theo đúng nghĩa của Phật. Tính thanh tịnh hiện thân của Phật phải được tịnh hoá những vấy bẩn của vật liệu hay những hành vi của người chế tác. Chỉ có sự tịnh hoá mới có khả năng tạo được sự linh thiêng của một pho tượng¹.

Một số nghiên cứu nhỏ lẻ có nhắc tới nghi lễ này cũng đồng ý với việc một pho tượng chưa có tính thiêng và chỉ có giá trị nguyên liệu, thẩm mỹ [Lục, 2022]. Đinh Luyện trong bài viết về Tầng nghĩa phía sau lễ hô thần nhập tượng có đưa ra những luận giải để hiểu về nghi lễ này [Luyện, 2020]. Tuy nhiên các nghiên cứu chỉ mới dừng lại ở việc giới thiệu sơ qua hình thức mà chưa thực sự luận giải các vấn đề nghi lễ cũng như tính biểu tượng của quá trình thực hiện nghi lễ Phật giáo quan trọng này.

Trong bài viết này người viết tập trung vào hai vấn đề chính: 1. Sử dụng lý thuyết nhân chủng học nghệ thuật của Alfred Gell làm nền tảng nghiên cứu; 2. Phân tích các yếu tố biểu tượng, vai trò của người tham gia, sự biến đổi không gian và đối tượng, ý nghĩa xã hội và văn hoá trong nghi lễ Yểm tâm tượng.

1. Khái lược về lý thuyết Nhân chủng học nghệ thuật của Alfred Gell

Alfred Gell có một đóng góp đáng chú ý nhưng gây nhiều tranh cãi cho nhân chủng học nghệ thuật. Công trình của ông vượt ngoài sự tập trung vào một tác phẩm nghệ thuật, thậm chí ông từ chối tính thẩm mỹ của tác phẩm nghệ thuật mà hướng tới những mục đích khác. Alfred Gell phát triển một lý thuyết trong cuốn *Nghệ thuật và tha thể* (Art and Agency)[Gell, 2013]. Gell định nghĩa Nghệ thuật không chỉ là vật thể thẩm mỹ, mà là “tha thể” (indexes) những đối tượng trung gian có khả năng gây ảnh hưởng đến hành vi, cảm xúc và nhận thức của người khác thông qua quan hệ xã hội. Ông áp dụng lý thuyết hành động (agency theory) để lý giải rằng nghệ thuật là phương tiện tạo ra hiệu ứng xã hội – các tác phẩm nghệ thuật hoạt động như các tác nhân thứ cấp, mang tính chủ động nhờ vào mối quan hệ giữa nghệ sỹ, người xem và vật thể (tác phẩm nghệ thuật nói chung). Thay vì tập trung vào biểu tượng hay ý nghĩa nội tại, Gell nhấn mạnh đến các thức các tác phẩm nghệ thuật tham gia vào mạng lưới xã hội và được dùng để kiểm

soát, tác động hoặc truyền tải quyền lực giữa các chủ thể. Lý thuyết này có thể giúp chúng ta hiểu quá trình một hình tượng có thể được chuyển biến thành các hình ảnh của Đức Phật – như một sự nối dài của Phật. Theo ông, bối cảnh của các mối quan hệ xã hội là trung tâm của vấn đề, coi tác phẩm nghệ thuật như một phần trung gian mà thông qua đó chúng ta hiểu tác phẩm như một thứ tồn tại độc lập với cá nhân. Quan điểm này thách thức sự hiểu biết truyền thống về nghệ thuật vì nhấn mạnh việc tìm kiếm ý nghĩa và sự đánh giá thẩm mỹ sau tác phẩm là mục tiêu chính của phân tích nghệ thuật. Ông cũng ủng hộ quan điểm rằng khả năng “hoạt động” của một tác phẩm nghệ thuật trong bối cảnh xã hội và nhận thức.

Cách tiếp cận của Alfred Gell đặc biệt nhấn mạnh vào các quá trình nhận thức cơ bản trong tương tác giữa con người với nghệ thuật. Việc đề xuất rằng, nghệ thuật nên được nhìn qua lăng kính của sự chủ động chứ không phải tĩnh hay giá trị thẩm mỹ, Gell đưa ra một quan điểm động cho thấy rằng, tác phẩm nghệ thuật là chính những người tham gia tích cực trong mạng lưới quan hệ xã hội. Ông cho rằng, phản ứng của chúng ta đối với nghệ thuật có nguồn gốc từ cùng một xu hướng nhận thức thông báo phản ứng của chúng ta với người khác và thế giới xung quanh chúng ta. Quan niệm này xem nghệ thuật không chỉ là phản ánh hay biểu hiện của suy nghĩ con người, mà còn là một hình thức hành động có khả năng ảnh hưởng và thay đổi hành vi và mối quan hệ xã hội của con người. Ví dụ, khi Gell so sánh hành động nhìn vào một bùa chú đỉnh của Tây Phi với việc xem "Large Glass" của Marcel Duchamp, ông không chỉ so sánh hai đối tượng từ hai nền văn hóa khác biệt mà còn vẽ ra một sự song song giữa các phản ứng nhận thức mà cả hai gợi lên. Trong mỗi trường hợp, đối tượng nghệ thuật là một trung gian ảnh hưởng và bị ảnh hưởng bởi sự tương tác của người xem với nó.

Nếu xem nghệ thuật như một sự phát triển của các xu hướng nhận thức giữa các nền văn hóa, thì Gell ngụ ý rằng việc sản xuất và tiếp nhận nghệ thuật khai thác vào các khía cạnh phổ quát của nhận thức con người. Những xu hướng nhận thức này là các khung tư duy mà qua đó chúng ta hiểu và tương tác với thế giới, đồng thời, không giới hạn trong nghệ thuật mà mở rộng tới tất cả hình thức biểu hiện và tương tác văn hóa. Điều này bao gồm cách mà các đối tượng được sử dụng để truyền đạt địa vị, bày tỏ danh tính, thực thi cấu trúc quyền lực,

hoặc tham gia vào xây dựng hành vi nghi lễ. Lý thuyết của Gell vượt ra ngoài văn hóa và đề xuất một khuôn khổ chung cho việc hiểu vai trò của nghệ thuật trong xã hội con người. Ông công nhận rằng, chính hành động tạo ra hoặc tương tác với nghệ thuật là hành vi con người cơ bản được thúc đẩy bởi các cấu trúc nhận thức bẩm sinh. Do đó, công trình của ông cung cấp một cơ sở để xem xét sự liên kết giữa nghệ thuật, nhận thức và đời sống xã hội, đồng thời, đưa ra một khung so sánh để phân tích cách nghệ thuật hoạt động trong và giữa các xã hội khác nhau.

Hình tượng Đức Phật là một tác phẩm nghệ thuật không chỉ đại diện cho chính Đức Thế Tôn mà còn là cách người tạo tác, tôn kính và cúng dường bên trong và bên ngoài các bức tường của tự viện. Việc tạo ra một chuỗi “tha thể”² của Đức Phật, một người công đức hoặc các nhà sư đưa ra những nhu cầu để tạo ra những pho tượng. Sau đó, một thợ thủ công hoặc nghệ sĩ sẽ tiến hành thực hiện trên các hình ảnh không chỉ theo yêu cầu từ chính suy nghĩ của khách hàng mà còn cố gắng tạo ra bức “chân dung” từ bối cảnh lịch sử hoặc sao chép một hình thức có sẵn (cũ hay mới). Khi tạo mẫu xong sẽ sử dụng nghi lễ như một cầu nối trung gian chuyên giao tượng Phật thành hình tượng Phật – có đầy đủ quyền năng như một thực thể sống. Hình Phật đó sẽ giúp mang đến những may mắn và giúp không gian tự viện cũng được gia trì.

Nếu chúng ta muốn tìm kiếm một hình ảnh của Đức Phật lịch sử, thì không thể tìm thấy vì Đức Phật đã nhập Niết bàn. Song, các hình tượng của Đức Phật liên tục được tạo ra trong nhiều không gian, chất liệu và cộng đồng khác nhau. Việc tạo ra Đức Phật trong hình dạng con người bắt đầu khi chính Đức Phật cho phép các tín đồ sáng tạo hoặc đưa ra những dự đoán về tôn giáo của mình qua câu chuyện về Đức Phật bằng gỗ đàn hương khi Ngài nhập Niết bàn [Strong, 2008: 40].

Các nghiên cứu của phương Tây đã đề cập nhiều tới các vấn đề này, Gombrich đã sử dụng sự khác biệt để giải thích những ý tưởng và thái độ khác nhau đối với hình tượng của Đức Phật. Tuy nhiên, việc cúng dường, cầu nguyện và hướng về hình ảnh cũng giống như việc thờ cúng Phật sống. Việc hiến tặng (công đức) một hình ảnh của Đức Phật như những vật thể thiêng liêng là vô hạn công đức của địa vị cư sĩ “như là sự khẳng định cho sự tuyên xưng tín ngưỡng của người Phật tử đối với đức tin nơi Đức Phật” [Schober, 2001: 112]. Tương quan,

hình ảnh của Đấng Giác ngộ không chỉ đơn thuần là một vật thể - giống như Đức Phật lịch sử. Thay vào đó, tất cả các hình tượng Đức Phật là những tấm gương phản chiếu ý tưởng về thế nào là Như Lai thực sự hay là sự thay thế hình tượng của Đức Phật và sự trở ngược lại trong nỗi dài với hình ảnh đầu tiên mà là Bản thân Đức Phật đang hiện diện [Swearer, 1995: 272].

Sau quá trình "Tha thể hoá" đối tượng vật chất hay nghệ thuật (pho tượng) có thể làm cho sự vắng mặt của Đức Phật³ trở thành một con người thực sự có thể hiển hiện. Hình ảnh của Đức Phật dường như có sức mạnh hơn bản thân một vật thể: "Chúng không chỉ là hình ảnh của một thực tại vắng mặt, mà còn là những chất lắng đọng hoặc trầm tích của thực tại mà chúng biểu thị"[Eckel, 1990: 70]. Thực tại ở đây được hiểu như sự hiện hữu của Đức Phật thông qua một pho tượng. Bức tượng như hình dáng của Đức Phật, mối quan hệ giữa chính Đức Phật với tăng sĩ, giáo đoàn, trong sự tưởng nhớ và thờ cúng.

Angela S. Chiu trong nghiên cứu của mình về Phật giáo ở Lanna (Thái Lan) đã sử dụng những lý thuyết đi trước để đưa vào bối cảnh Đông Nam Á bằng quá trình miêu tả các nghi lễ liên quan [Chiu, 2018]. Nghiên cứu cũng nhấn mạnh tới việc lịch sử của tượng Phật gắn liền với cộng đồng họ sinh sống, nhấn mạnh "cuộc sống" của tượng Phật. Nghiên cứu cũng phê phán cách tiếp cận lịch sử nghệ thuật có thể bỏ qua các yếu tố văn hoá- xã hội và kinh tế rộng lớn hơn ảnh hưởng tới việc tạo ra sự tôn kính hình ảnh của Phật.

Dưới góc nhìn của Gell, tham chiếu vào nghi lễ yếm tâm thì tượng Phật không còn được xem đơn thuần là một vật thể thẩm mỹ hay biểu tượng tôn giáo thuần túy, mà trở thành một "tha thể" mang năng lực xã hội. Nghi lễ chính là một phân kích hoạt biến tượng từ trạng thái vô tri thành một chủ thể có khả năng tác động, một thực thể linh thiêng được con người quy chiếu, tham gia vào mạng lưới quan hệ giữa tín đồ, chư Phật và thế giới siêu hình. Gell có thể giúp chúng ta hiểu được rằng quyền năng của tượng Phật không nằm sẵn trong vật liệu hay hình dạng mà được thiết lập thông qua các nghi lễ và thực hành xã hội gắn bó với nó.

2. Nghi lễ Yếm tâm tượng

Nghi lễ yếm tâm tượng được diễn ra từ khá sớm, tuy nhiên thiếu vắng những ghi chép chi tiết. Đầu thế kỷ XX, khi các ngôi chùa, đền

được khánh thành thì tổ chức hàng loạt các nghi lễ đi chung, trong đó, quan trọng bậc nhất chính là việc tổ chức yểm tâm tượng. Trên *Hà Thành ngộ báo*, số 1081, ngày 21/3/1931, nhân dịp khánh thành đền phố Hàng Cá mới thì tổ chức tụng kinh cúng Phật. Chương trình được tổ chức diễn ra bằng việc cúng Phật (12 giờ chiều) 5 giờ đàn lục, 8 giờ tối lên đàn cảm giới, 10 giờ tối làm lễ hô thần nhập định tượng [Phạm Thị Cả, 1931]. Hà Thành ngộ báo số 1895 (26/12/1933) có đăng thông báo về việc khánh thành chùa Võ Hưng (huyện Hoàn Long Hà Đông). Khi tổ chức khánh thành thì một chương trình do chùa tổ chức được diễn ra trong bảy ngày, ngày đầu tiên được tổ chức với việc cúng đàn hộ ma và sau đó là lễ hô thần nhập định tượng [Chùa Võ Hưng, 1933]. Cũng trên Hà thành ngộ báo số 2000 (06/05/1934) Động Long Vân chùa Hương cũng đăng thông tin về việc tổ chức lễ hội và an vị hô thần nhập định các tượng đá mới tạc của chùa [Chùa Hương, 1934]. Trong giai đoạn này thường sử dụng tên gọi là nghi lễ hô thần nhập định thay cho việc hô thần nhập tượng ở giai đoạn hiện nay.

Tuy có khác nhau về mặt thời gian và tên gọi của nghi lễ, nhưng về cơ bản nghi lễ Yểm tâm tượng được tiến hành qua nhiều giai đoạn, trong đó có thể chia thành hai phần chính là *Trịch trừ cảm giới* và *Cúng khoa Yểm tâm*. Trịch trừ cảm giới được thực hiện qua các nghi lễ như điểm tịnh, lễ thỉnh và cúng Phật. Cúng khoa yểm tâm là phần chính nhất của nghi lễ này trong đó việc sử dụng các khoa cúng như trịch trừ yểm tâm, hô thần nhập tượng, khai quang yên vị tượng. Mỗi một công đoạn trong nghi lễ đều được tiến hành qua các giai đoạn và thời điểm khác nhau. Phần tiếp theo của bài viết sẽ đi vào việc phân tích chi tiết từng quá trình một của nghi lễ này.

2.1. Kết giới không gian (Trịch trừ cảm giới)

Nghi lễ thường được bắt đầu từ rất sớm, các công đoạn được bắt đầu từ khi Pháp sư (thầy chủ lễ) giám đàn rồi đọc một đoạn văn “Quy mệnh kim cương kết giới chúa, A Mật Di Đế Đại Minh Vương, Bất vi bản thế hộ đàn tràng, bình xích yêu ma vô chướng ngại”⁴. Hai ban tả hữu đánh tiếng trống, pháp sư tiếp tục khai khoa kết ấn đi thuận nghịch một lần, rồi cầm bó đuốc đi xuôi và ngược trong đàn lễ thêm lần nữa. Công đoạn cảm giới ngũ phương (Đông, Tây, Nam, Bắc, Trung ương) diễn ra với mục đích loại trừ thổ ôn, thổ quỷ, thạch tinh và tà ma đến một không gian khác để làm không gian trong sạch thuần khiết khi thỉnh Phật Thánh giáng lâm⁵ để bảo hộ muôn dân, già trẻ yên

bình, nơi nơi an lạc. Đọc xong cáo và bùa thì chuyển sang một hướng khác để tiếp tục thực hiện tại bốn tiêu đàn nhỏ được đặt ở bốn góc đại diện có bốn phương.

Khi đã hoàn thành năm phương, quá trình kết giới không gian được hoàn thành. Lúc này, toàn bộ không gian của nơi tổ chức nghi lễ được chuyển biến hoàn toàn thành một không gian thiêng được kiến tạo tức thời, toàn bộ không gian nghi lễ, không gian thờ tự trở thành một không gian hoàn toàn khác biệt với lúc thông thường.

Sau đó mới tới phần lễ thỉnh – song hành với việc nghinh lễ Phật thánh, bùa được đưa vào tượng⁶. Các nghi thức được sử dụng như Phần sài tây uế, An trấn hoá đàn, Phát tấu. Tới chiều và tối là lúc thực hành Đại khoa cúng Phật rồi Hô thần nhập tượng - một nghi thức quan trọng bậc nhất là tâm điểm của cả chuỗi nghi lễ. Quá trình kết giới này chính là quá trình kiến tạo một không gian mang tính thiêng, phạm vi của không gian đó phụ thuộc vào giới hạn không gian của ngôi chùa. Không gian giả lập này là một phần để các nghi lễ được tiến hành một cách thuận lợi với ý niệm ngăn trừ tà ma hoặc các đối tượng tà ma có thể xâm nhập vào không gian.

2.2. Trấn giữ không gian

Ngoài việc kiến tạo một không gian giả lập về bốn phương và các hướng, thì hình thức này vẫn chưa đủ để đáp ứng cho các hoạt động nghi lễ. Bùa được đưa vào trong không gian bên trong (nội giới) được đặt trong không gian của chùa, trong đó phân làm hai nhóm chính. Nhóm thứ nhất là các bùa được dán tại các không gian xung quanh chùa, các thân cột (mới) có thể cả cũ cũng được dán. Nhóm bùa số hai với vai trò là phần chính yếu hơn là số lượng bùa được đặt trên vải đỏ phủ lên trên thân tượng, số lượng có thể nhiều hay ít tùy theo, không có một số lượng định hình nhất định [Đình Giáp, không ngày]. Bùa được sử dụng nhiều nhất được viết bằng chữ Phạn với nội dung của Lục tự đại minh thần chú là Án ma ni bát minh hồng.

2.3. Lựa chọn thời gian

Ban ngày là thời gian chính để thực hiện các nghi lễ xung quanh, buổi tối là lúc nghi lễ quan trọng nhất được bắt đầu⁷. Đặc biệt, công đoạn cuối cùng khi hô thần nhập tượng đó chính là đèn được tắt, trong lúc đó pháp sư và tả hữu cùng hô danh hiệu của chư Phật để ứng hiện vào pháp thân của tượng. Sau đó, pho tượng không chỉ là một hình

ảnh điêu khắc mà còn chính là hình ảnh của Phật, Bồ tát được nới dài trong không gian linh thiêng đó. Trong quá khứ việc lựa chọn không gian tổ chức nghi lễ quan trọng này luôn là vào buổi tối. Buổi tối là thời điểm quan trọng được lựa chọn trong nghi thức An tâm tượng. Khi chưa mở khăn tượng Phật ra mang hàm nghĩa như một sự biểu tượng về việc Phật pháp hiện ra, chư Phật xuất thế thì như ánh sáng được mở ra vào ban đêm. Và chỉ có buổi đêm như thời điểm dễ dàng tiếp cận nhất đối với ý niệm. Ánh sáng trí tuệ cũng được chiếu sáng đó thì mới tạo nên được sự điều hoà của bốn mùa.

2.4. Tiến trình lễ nghi

Lễ An tâm tượng và khoa cúng đàn Mông Sơn tại chùa Bình Minh, xã Nghĩa Bình, Nghĩa Hưng, Nam Định vào năm 2019 [Huyền Trường Camera, 2019] được diễn ra với việc Cúng điểm tịnh: (khê thủ quy y tô tất đế, đầu điện,...) Lễ thỉnh: pháp sự phân ban, đưa bùa vào tượng. Hành khoa (cúng Phật). Việc tổ chức chuyển đổi không Hành khoa (trịch trừ an tâm) An tâm - là công đoạn cho bùa vào tượng – nhưng bây giờ hầu hết đều đã được cho trước lúc lễ, lúc này không cho vào nữa mà nghi lễ được tiến hành luôn.

Hồ thần nhập tượng: *Thích Ca Phật chứng: Phu Tịnh Phạn Vương, Mẫu viết Ma Da hoàng hậu, thụ thai thập nguyệt sinh La Hầu La hiệu Thích Ca Phật, ư Giáp Dần niên, tứ nguyệt sơ bát nhật, Dần thời sinh tả dịch tại thế, tu hành đắc tứ thập cửu niên thành đạo hiệu Thích Ca Mâu Ni Phật, chí Nhâm dần niên thập cửu nhật Dậu thời Niết Bàn thành Phật. Lai nhập thánh tượng, quý thân bất đắc xâm nhập tạt tốc thiếp* [Diên quang tam muội tạo tượng, 1943:16]. Hiện nay các nghi thức đã được diễn dịch một cách ngắn gọn hơn, thay vì một đoạn dài thì đã tóm tắt lại thành: *Thần cung thỉnh Nam mô thập phương thường trụ Tam bảo hoặc Nam mô xxx (Bổn sư Thích Ca Mâu Ni Phật; Tây Thiên Đông Độ Bồ Đề Đạt Ma tổ sư...) lai nhập Thánh tượng quý thân bất đắc xâm nhập, tạt tốc thiếp.*

- Nhập định: cúng diệt đặng chân ngôn (*tất đèn – trì thập bi đại chú – trì chú án ma ni bát minh hồng*), trịch giới tử chân ngôn xong sẽ tung bùa và các đồ an tâm (*hạt cải, tiền, kim, đồ...*) xong bật đèn sáng.
- pháp sự đọc: chư Phật⁸ xuất thế.
- tả hữu đọc: Thiên hạ thái bình.

- nhân dân vỗ tay (pháp sự, tả hữu đọc ba lần).
- khai quang yên vị được hoàn tất.

Có thể thấy, các nghi lễ thực hiện hiện nay cũng có một xu hướng chung là giản tiện hoá, giảm bớt đi rất nhiều thủ tục không cần thiết. Thậm chí một số nơi hiện nay việc tổ chức Yêm tâm hoàn toàn không nhất thiết được diễn ra vào ban đêm mà có thể thực hiện cả vào ban ngày. Việc thực hiện các công đoạn nghi lễ ngắn hơn giúp cho người tham gia nghi lễ có thể theo sát từ đầu đến cuối mà không quá mất thời gian. Tính liền mạch của nghi lễ và thời gian gói gọn được đặt lên hàng đầu. Sự đơn giản hoá trong thực hành nghi lễ hiện đại cũng phản ánh sự chuyển dịch rộng rãi trong thực hành tôn giáo và sự tham gia của cộng đồng. Có thể thấy, tính chất động của truyền thống tôn giáo để thích ứng với thời điểm và nhu cầu thực tế của cộng đồng.

2.5. Khai quang ngũ nhãn

Hô thần nhập tượng đều được sử dụng một bài kệ đi kèm. Trong bài kệ đó nhắc tới vấn đề chính đó là Khai quang để mở được Ngũ nhãn. *Đại Trí Độ Luận* có nói tới các mắt ở đây được hiểu là sự chiếu sáng, soi tỏ. Tên gọi chung là mắt, nhưng theo công dụng sẽ được nhắc tới có năm loại bao gồm: Nhục nhãn (mắt thịt)⁹; Thiên nhãn (mắt của loài trời)¹⁰; Tuệ nhãn¹¹; Pháp nhãn¹²; Phật nhãn¹³ [Thích Nhất Như, 2016: 471]. Các nội dung được khai mở như thiên nhãn, nhục nhãn, pháp nhãn, tuệ nhãn, Phật nhãn đều nhờ vào “phụng thỉnh Như Lai” làm người thực hiện. Người thực hiện nghi lễ tuy là chủ nhưng thực tế là mượn oai thần của Phật để tiến hành. Người thực hiện nghi lễ chính là cầu nối của thế giới thiêng, hay nói cách khác họ chính là đối tượng mang quyền năng trong việc cấp nghĩa cho hình ảnh.

Trong quá trình thực hiện nghi lễ đó gương được sử dụng như một công cụ để khai quang, chiếu vào hình tượng của các hình tượng Phật hay Bồ tát. Nước cũng đóng góp một phần lớn vào việc tịnh hoá hình tượng Phật – như trong *Diên Quang tam muội* có nhắc đến “chư Phật giáng sinh thì tẩy rửa (mộc dục) kim thân, tất cả Như Lai đều cũng như vậy, nay lấy nước thanh tịnh, tối thượng thừa nhất để mộc dục cho tôn tượng” [*Diên quang tam muội tạo tượng*, 1943: 4] và sau đó dùng khăn để lau vào tượng Phật. Khai quang - mở ra ánh sáng - mở tâm thức của chúng sinh chứ không phải thuần túy khai quang cho chư Phật. Dùng tấm gương để chiếu sáng như tâm đại viên trí của Phật, soi khắp mười phương để cho chúng sinh được mở mang [Minh Trung Cư sĩ, 2021].

2.6. Đồ yếm tâm tượng

Vật phẩm được đặt vào tượng như vàng một phân, bạc hai phân (tùy điều kiện mà có thể nhiều hay ít, có thể có thêm san hô tượng trưng cho sọ, xà cừ tượng trưng cho xương, hổ phách, chân châu, mã não¹⁴, chu sa biểu tượng của máu, chỉ Ngũ sắc là gân và giấy tráng kim. Giấy tráng kim được đặt ở ngoài cùng, vị hiệu, vàng bạc bọc lại cuộn chỉ ngũ sắc ở ngoài cho kín lại xong bỏ vào thân tượng. Bùa yếm tâm tượng cũng được gấp theo hình tam giác và đặt vào trong. Đây là những vật phẩm được đặt vào trong tâm tượng ở thời điểm hiện tại. Tuy nhiên, quá trình các vật phẩm được đặt trong quá khứ như thế nào cũng là một vấn đề hiện còn đang bỏ ngỏ và chờ đợi những nghiên cứu sâu hơn. Qua khảo sát một pho tượng thời Lê tại chùa Bồ Đà vào năm 2016 của tác giả thì tâm tượng của Bồ tát Quan Âm được đặt vào bên trong là một thanh gỗ có viết bùa và một số nội dung về thời gian tạo tác của của tượng chứ không có các vật phẩm như trên.

Đồ lễ được an tâm xong sẽ tung cho mọi người như để chia linh khí, tinh thần của Phật thánh, với vai trò một sự tương trợ tinh thần, một vật phẩm thiêng đóng góp cho quá trình “thành Phật” của các pho tượng. Các vật phẩm trong nghi lễ trở thành một tượng trưng cho may mắn, một vật bảo trợ cho các tín đồ, có thể được sử dụng làm vật phẩm đeo hoặc cất giữ. Các vật phẩm có khá nhiều từ nhân, 100-200 chiếc vàng giả. Kim khâu 100 chiếc, tiền 500 hoặc 1000, 2000, 5000 (100 đến 200 tờ). Bùa án ma ni cũng gấp thành nếp (500 hoặc 1000, tùy theo nhiều tượng hay ít tượng). Hạt cải, vừng, đỗ xanh, đỗ tương, lúa (mỗi thứ một bò). Tất cả các vật phẩm trên đều được trộn tất cả lại, chia ra các mâm, lúc nào lễ xong thì tung cho mọi người. Vải đỏ trùm tượng sau nghi thức hô thần nhập tượng cũng sẽ được cất ra sau đó để phân phát. Việc tung các đồ cúng chỉ là một biểu tượng về giáo pháp đó là trí tuệ của chư Phật - như mưa thấm nhuần tới mọi vật xung quanh, sự may mắn của chư Phật được đưa vào trong đời sống. Hành động chia sẻ này là biểu tượng cho sự liên kết, nhấn mạnh vai trò của sự tham gia cộng đồng và mối quan hệ có đi có lại giữa người thực hành nghi lễ và cái thiêng.

Trong bối cảnh rộng lớn hơn của thực hành tôn giáo toàn cầu, nghi lễ này có điểm tương đồng với các nghi lễ thánh hoá được tìm thấy

trong nhiều truyền thống khác, nơi các đối tượng được truyền quyền năng thiêng liêng thông qua các nghi thức cụ thể. Những thực hành này cũng nhấn mạnh nhu cầu con người kết nối với cái thiêng liêng thông qua các phương tiện hiện hữu hình và củng cố ý tưởng rằng, tính Thiêng liêng là điều được tạo ra, chuyển dịch và chia sẻ trong cộng đồng.

Yểm tâm tượng là khởi đầu của một tiến trình nghi lễ và sự kính trọng mà pho tượng nhận được theo thời gian dựa trên niềm tin rằng các pho tượng tôn giáo không phải là những hiện vật tĩnh lặng mà là những thành phần động trong thực hành tôn giáo. Sức mạnh hay "năng lượng" này không chỉ đơn thuần là chức năng của thành phần vật liệu hay giá trị thẩm mỹ của đối tượng, mà còn bởi lịch sử tích lũy của việc thờ cúng, bao gồm các nghi lễ được thực hiện với hoặc xung quanh và sự tôn kính mà hiện vật nhận được từ những người tin tưởng. Trong nhiều truyền thống Phật giáo, một bức tượng Phật mới được chế tạo bắt đầu "cuộc đời" của mình như một vật thể thiêng liêng thông qua các nghi lễ cúng tiến, làm cho nó trở nên đầy ý nghĩa tâm linh. Theo thời gian, lịch sử tham gia của bức tượng trong các sự kiện tôn giáo - như lễ hội, cầu nguyện, và cúng dường - thêm vào các lớp nghĩa "thiêng". Bức tượng không chỉ là hình tượng của Phật mà còn là sự thể hiện của giáo lý, đức tin của cộng đồng, và những hành động sùng đạo hướng về tượng. Tượng như là một đối tượng mang quyền lực thiêng hiển hiện. Các nghi lễ xây dựng mối liên kết giữa bức tượng và những sức mạnh thiêng. Khi tượng được sử dụng càng nhiều trong thực hành, mối liên kết với tính thiêng này càng mạnh mẽ. Sự kính trọng mà pho tượng nhận được theo thời gian cũng góp phần vào sức mạnh của tượng Phật. Những hành động tôn kính - như chạm vào, nhìn ngắm, hoặc lễ bái trước bức tượng - củng cố vai trò của nó như một trung gian giữa con người và cái thiêng. Niềm tin tập thể vào quyền năng của bức tượng và khả năng trong việc ảnh hưởng đến cuộc sống của người thực hành, dù thông qua việc bảo vệ, giáo lý, hay duy trì và tăng cường tính cách thiêng liêng.

Vì vậy, theo quan điểm này, quyền năng của bức tượng là sản phẩm của một sự tương tác phức tạp giữa các nghi lễ vật lý, các hành động tôn vinh của xã hội, và độ sâu của niềm tin bao quanh. Sự tương

tác động khởi đầu này biến một bức tượng Phật từ một pho tượng đơn giản thành một hiện diện sống động với khả năng ảnh hưởng đến cả lĩnh vực vật chất và tâm linh. Tượng Phật trở thành tâm điểm cho ký ức tập thể, khát vọng tâm linh, và bản sắc cộng đồng, tăng cường tầm quan trọng và hiệu quả của vật chất trung gian như một phương tiện trải nghiệm tôn giáo.

Kết luận

Việc tạo ra và thờ phụng tượng Phật không chỉ là một sản phẩm thủ công/nghệ thuật ban đầu thông qua nghi thức cũng gợi ý đến những ý tưởng của của Gell rằng, tác phẩm nghệ thuật là một “hệ thống hành động”. Các chuỗi hành động của nghi lễ được kết nối để tạo thành một vật phẩm có quyền năng, là đối tượng để thờ cúng. Ở một phương diện khác, các hình tượng tôn giáo đương nhiên không chỉ đơn thuần là một tác phẩm mà luôn liên quan đến các mối quan tâm kinh tế và chính trị [Chiu, 2018: 165]. Bằng cách tạo ra các bản sao (replica), một bức tượng Phật không chỉ là sự mở rộng của hình ảnh vật chất mà còn là hành vi cụ thể của xã hội. Con người tiếp tục tạo nên các hình tượng khác biệt ở thời gian và không gian khác nhau trên thực tế như Eckel đã tin rằng ý tưởng về hình ảnh một vị Phật trong “tâm trí của người tìm kiếm Ngài” [Eckel, 1990: 65]. Những tín đồ đã không ngừng cố gắng kiếm tìm hay nói đúng hơn là kiến tạo hình ảnh của Đức Phật bằng tri nhận văn hoá, kiến tạo văn hoá trên cơ sở nhận thức của chính mình. Asley Thomson cũng gợi ý quá trình kiến tạo hình ảnh đó chính là “logic của hình ảnh như một vấn đề của tâm trí”. Như trong phân tích của Tambiah về tác phẩm nghệ thuật cho thấy rằng, làm một bức tượng là một quá trình của các tương tác xã hội. Hình ảnh của Đức Phật có thể liên quan đến cơ quan xã hội và sự thể hiện của vật chất, kinh tế, chính trị [Tambiah, 2008]. Tuy nhiên, hơn hết tất cả đó vẫn là sự hiện hữu của Đức Phật hay bất kỳ một chân dung nhân vật nào khác được thiêng hoá - nối dài sau quá trình hoàn thành của nghi lễ hô thần nhập tượng. Theo như trong nghi thức yếm tâm được viết qua khoa cúng Diên quang tam muội - Một khế ước tâm linh được hoàn thiện sau khi tượng Phật được an trí ở tại chùa (hoặc không gian thờ tự khác). Một sự hình thành của Phật trong không gian nhưng điều may mắn, điềm lành luôn lại nằm ở chính nơi sinh hoạt hay đời sống của những người Phật tử¹⁵.

Nghi thức yểm tâm tượng như một cầu nối không chỉ để thiêng hoá một pho tượng mà còn là sự nối dài sự tồn tại của các vị Phật/ Thánh. Việc thực hành nghi lễ tôn kính các cấu trúc tượng Phật phản ánh các nguyên tắc quan trọng của Phật giáo: Tín ngưỡng, tôn giáo và vũ trụ của Phật giáo là những khuôn mẫu về thứ bậc trong cộng đồng. Bức tượng nhắc nhở mọi người về hình ảnh đại diện hữu hình của Đức Phật (hay các chân dung khác) đang sống, đang tồn tại sự một sức mạnh thiêng liêng, bảo vệ đời sống của tín đồ. Nghi thức yểm tâm tượng giúp chuyển giao quyền lực từ một đối tượng vô tri trở thành một chân dung hiện hữu của Phật. Nghi lễ ban tặng sức mạnh đặc biệt và mang lại sự sống cho bức tượng [Swearer, 2010]. Chúng là những kênh - cầu nối - cho phép sự tồn tại liên tục của các vị Phật trong đời sống, không gian thờ tự. Sau khi chế tác tượng - một tác phẩm nghệ thuật chỉ có thể trở thành đối tượng thờ cúng bằng nghi lễ yểm tâm, tượng Phật là chính sự hiện diện của Phật (từ một vật vô tri biến thành một thực thể sống và có quyền năng), đồng thời, truyền sự linh thiêng và là một khế ước đảm bảo vững chắc cho công đức của những tín đồ tham gia vào quá trình kiến tạo tượng./.

CHÚ THÍCH:

- 1 Xem thêm, Đồng Thân, “Luận hệ thống cấu thành động thái tổng hợp âm thanh tụng kinh Phật giáo Nam truyền - nghiên cứu trường hợp nghi thức khai quang đại diện Tổng Phật tự, Ngô tộc, Ban Lão, Thương Nguyên huyện”. *Tạp chí âm nhạc Trung Quốc* 04.2016, tr.23-32. Và Hồ Diên Thắng, “Tranh dân dân chùa Thiêm Bắc và nghi thức Khai quang dưới góc nhìn nhân học nghệ thuật”. *Tạp chí Folkart*, tr.26-29.
- 2 Ở trường hợp này người viết sử dụng từ Tha thể để miêu tả các hình tượng thực thể của Đức Phật chứ không phải chỉ thuần túy là các Hoá thân, Ứng thân, Pháp thân. Tha thể chỉ sự nối dài hình tượng của Đức Phật trên phương diện tiếp nối sự tồn tại của Phật.
- 3 Sự vắng mặt này chính là việc Đức Phật nhập vào Niết Bàn
- 4 Tư liệu điền dã nghi lễ yểm tâm tượng tại chùa Bảo Đồng, ngày 20/07/2018.
- 5 Các nghi lễ yểm tâm các đối tượng khác thì lại thỉnh tên đối tượng khác. Ở chùa thì thỉnh Phật Thánh, ở Mẫu thì thỉnh Tiên chúa giáng lai phủ đường, ở nhà tại gia thì thỉnh tiên tổ họ giáng lai từ đường bảo hộ đồng tộc.
- 6 Hiện nay để tiện lợi hơn, hầu như các nơi đều đưa vào tượng trước lúc lễ chứ không chờ đến lúc này.
- 7 Những tài liệu có liên quan đến việc tạo tượng và nghi thức này có thể kể đến như Tạo tượng lượng đặc kinh, Diên quang tam muội, Tạo tượng, Tân biên tam muội tạo tượng kinh (AC.646), Phật tượng lượng đặc kinh (AC 136), Như Lai an tượng tam muội nghi quỹ (AC.127) ,...

- 8 Nếu ở trường hợp là các loại hình tượng khác thì khi này nội dung sẽ được đọc theo tên của Phật, Bồ tát, thánh hay nhân vật nào đó.
- 9 Theo Tam tạng pháp số, mắt thường chỉ thấy được gần không thể thấy được xa, bởi có sự ngăn trở về mặt vật chất.
- 10 Thiên nhân là mắt của chư thiên và không có sự ngăn trở về mặt vật chất.
- 11 Mắt nhìn thấy sự khác biệt về các tướng trạng và không bị bám víu vào một pháp nào.
- 12 Tam tạng pháp số nhấn mạnh rằng Pháp nhãn là năng lực nhìn rõ sự hiểu biết, đạo nghiệp và rõ phương tiện tu và chứng.
- 13 Phật nhãn là đôi mắt trọn vẹn nhất và thấy, biết hết tất cả.
- 14 Các đồ này không nhất thiết phải đủ - hoặc đúng, nhưng màu sắc cơ bản của các đồ vật thay thế phải gần tương tự như vậy.
- 15 Nguyên văn trong Diên quang tam muội "Nghiêm tại mỗi tự (chùa nào đó) phúc tại gia".

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Thị Cá. (1931, Tháng Ba 21). "Lễ khánh thành đền phố hàng Cá". Hà Thành ngo báo.
2. Chiu, A. (2018). *Buddha in Lanna: Art, lineage, power, and place in northern thailand*. UNIV OF HAWAI'I Press.
3. *Diên quang tam muội tạo tượng* (延光三昧造象), (1943). Chép tay.
4. Eckel, M. D. (1990). "The Power of the Buddha's Absence: On the Foundations of Mahāyāna Buddhist Ritual". *Jritualstudies Journal of Ritual Studies*, 4(2), 61–95.
5. Đình Giáp (Director). (không ngày). *yếm tâm tượng chùa Phúc Lâm-La Diền*. Truy vấn 14 Tháng Bảy 2021, từ https://www.youtube.com/watch?v=qdv2rr2idTs&ab_channel=%C4%90%C3%ACnhGi%C3%A1p
6. Gell, A. (2013). *Art and agency: An anthropological theory*.
7. Chùa Hương. (1934, Tháng Năm 6). "Động Long Vân làm lễ Hồ thần nhập định". Hà Thành ngo báo, 5.
8. Chùa Võ Hưng. (1933, Tháng Chạp 26). "Khánh thành chùa Võ Hưng". Hà Thành ngo báo, 2.
9. Luyện Đ. (2020, Tháng Tư 24). *Tàng nghĩa phía sau lễ hồ thần nhập tượng*. <https://phatgiao.org.vn/tang-nghia-phia-sau-le-ho-than-nhap-tuong-d41333.html>
10. Lục, Đ. V. (2022). "Hồ thần nhập tượng trong các ngôi chùa ở khu vực đồng bằng Bắc Bộ". Trong *Hội thảo Nghi lễ Phật giáo toàn quốc* (tr 188–191).
11. Thích Nhất Như. (2016). *Tam tạng pháp số* (Thích Quang Định & Phan Quốc Trung, B.d.v). Nhà xuất bản Lao động.
12. Schober, J. (2001). "Venerating the Buddha's Remains in Burma: From Solitary Practice to the Cultural Hegemony of Communities". *Journal of Burma Studies Journal of Burma Studies*, 6(1), 111–339.
13. Strong, J. (2008). *The experience of Buddhism: Sources and interpretations*. Thomson/Wadsworth.

14. Swearer, D. K. (1995). "Hypostasizing the Buddha: Buddha Image Consecration in Northern Thailand". *History of Religions History of Religions*, 34(3), 263–280.
15. Swearer, D. K. (2010). *The Buddhist world of Southeast Asia*. State University of New York Press.
16. Tambiah, S. J. (2008). *The Buddhist Saints of the Forest: A Study in Charisma, Hagiography, Sectarianism and Millennial Buddhism*. Cambridge University Press.
17. Minh Trung Cư sĩ (Director). (2021, Tháng Mười 29). Ý nghĩa lễ hô thần nhập tượng - Thượng tọa Thích Tiến Đạt chia sẻ. trên trang <https://www.youtube.com/watch?v=YW8qo7Vk62g>
18. Huyền Trường Camera (Director). (2019, Tháng Ba 30). Lễ yểm tâm tượng & Khoa cúng đàn Mông Sơn chùa Bình Minh xã Nghĩa Bình Nghĩa Hưng—Nam Định. <https://www.youtube.com/watch?v=Rg8gFbHUMfg>

Abstract

THE “DHARMA-BODYIZATION” OF THE BUDDHA IMAGE THROUGH THE CEREMONY OF “OPENING THE EYES”

Nguyen Su (Nguyen Huu Su)

Institute for Religious Studies

Vietnam Academy of Social Sciences

The Yểm tâm tượng, also known as the ceremony of “opening the eyes,” is one of the most sacred rituals in Buddhism, used to sanctify the image of the Buddha within a crafted or artistic object placed in a worship space. This study focuses on analyzing the ritual practices employed during the yểm tâm tượng process, which allows practitioners to connect the Buddha’s “other-body” (tha thể) to the statue. The article draws on examples of such rituals performed at various worship sites in Northern Vietnam. It examines the timing of the ritual, its structure, and methods of performance. The study further explores the symbolic and spiritual power of the Buddha’s image before, during, and after the ritual to better understand how Buddhist ritual systems are constructed and function in contemporary Vietnamese society.

Keywords: Buddhism, yểm tâm tượng ritual, Dharma-bodyization, Buddha image